

Về vấn đề phát triển miền núi ở Quảng Nam

PHẠM NGỌC SINH*

Quảng Nam nằm ở trung độ của Việt Nam, cách Hà Nội 860 km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 865 km về phía Nam; phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng; phía Nam giáp Quảng Ngãi, Kon Tum; phía Tây giáp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; phía Đông giáp biển Đông. Diện tích tự nhiên 10.408,78km², dân số (năm 2005) là 1.465.922 người. Quảng Nam có 17 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Tam Kỳ, Thị xã Hội An; 8 huyện miền núi là: Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức; 7 huyện đồng bằng là: Đại Lộc, Quế Sơn, Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành và Phú Ninh.

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Quảng Nam có mối quan hệ về địa lý, kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành phố trong khu vực. Đặc biệt, Quảng Nam có tiềm năng mở rộng hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế thông qua tuyến hành lang Đông - Tây. Đây là hướng mở cho Quảng Nam phát triển.

Trong xu hướng chung đó, miền núi

Quảng Nam có những thuận lợi lớn và đang đứng trước sự lựa chọn để phát triển. Miền núi Quảng Nam là nơi sinh sống của nhiều dân tộc, nhưng lâu nay các nhà nghiên cứu thường chỉ nói tới 04 dân tộc: CơTu, Giẻ-Triêng (với các nhóm địa phương Bh'noong, Ve, TàRiêng, Giẻ), Xơ đăng (với các nhóm địa phương Ca dong, Xơ-Teng, Mơ Năm) và Cor.

Trước đây và kể cả bây giờ, miền núi Quảng Nam phát triển, nhưng chậm, có nhiều nguyên nhân; nhưng quan trọng nhất là địa bàn cư trú khắc nghiệt, trình độ dân trí thấp; do trong lịch sử, phong kiến và thực dân có sự phân biệt đối xử; và cũng một phần chúng ta lúng túng đi tìm mẫu hình, lối thoát cho sự phát triển miền núi...

Trong xu hướng mới và những điều kiện mới, miền núi Quảng Nam đứng trước cơ hội phát triển nhanh. Quyết định số 148/2005/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2015, xác định phát triển miền núi theo hướng:

“ Khai thác có hiệu quả các tiềm năng kinh tế của vùng gắn với đẩy mạnh kinh tế trang trại và phát triển kinh tế - xã hội

* Phạm Ngọc Sinh, Sở Khoa học - Công nghệ Quảng Nam

miền núi; gắn kinh tế - xã hội với các mục tiêu bảo tồn và tăng nhanh vốn rừng, các chương trình định canh, định cư và xây dựng các trung tâm cụm xã, quy hoạch xây dựng các điểm dân cư.

- Phát triển công nghiệp sản xuất điện năng (xây dựng hệ thống thủy điện bậc thang A Vương, sông Bung...). Xây dựng nhà máy sản xuất xi măng tại Thạnh Mỹ, công suất giai đoạn I khoảng 1,5 triệu tấn/năm. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, từng bước quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, hình thành một số cơ sở chế biến nông sản như xay xát gạo, chế biến thức ăn gia súc, chế biến hoa quả, chè...

- Tăng cường thương mại, xây dựng kết cấu hạ tầng mà trọng tâm là giải quyết vấn đề giao thông, thông tin liên lạc, điện, các cơ sở y tế, giáo dục, mạng lưới thương mại dịch vụ. Đầu tư hình thành cửa khẩu quốc tế Nam Giang.

- Phát triển du lịch sinh thái.

- Nghiên cứu trồng đại trà các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu có hiệu quả kinh tế cao phục vụ công nghiệp chế biến, tiếp tục phát triển lúa nước ở những vùng có điều kiện, phát triển chăn nuôi đại gia súc; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại bằng các chính sách đặc thù.

- Từng bước nâng cao mức độ đô thị ở các trung tâm huyện lỵ. Giữ gìn và phát triển văn hoá các dân tộc miền núi, đẩy mạnh giao lưu văn hóa giữa các dân tộc. Giữ vững an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội ở miền núi, đặc biệt là các tuyến biên giới”.

Nghị quyết HĐND tỉnh Quảng Nam xác định hướng phát triển miền núi Quảng Nam đến năm 2010 như sau :

“Đẩy mạnh kinh tế trang trại và phát triển chăn nuôi, phát triển kinh tế lâm

nghiệp. Nghiên cứu đưa các loại giống cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất, tiếp tục phát triển lúa nước ở những vùng có điều kiện. Khuyến khích các hoạt động chế biến nông sản tại chỗ; phát triển mạnh các chương trình tín dụng hỗ trợ sản xuất.

Phát triển thương mại, xây dựng hệ thống chợ miền núi; xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là giải quyết vấn đề giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước sạch; các cơ sở y tế, giáo dục, mạng lưới thương mại dịch vụ. Đẩy nhanh các dự án thủy điện, các dự án tại khu vực cửa khẩu Nam Giang. Phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hoá dân tộc thiểu số.

Từng bước nâng cao mức độ đô thị ở trung tâm huyện lỵ, nâng cấp thị trấn Khâm Đức của huyện Phước Sơn thành thị xã. Giữ gìn và phát triển văn hoá các dân tộc miền núi, đẩy mạnh giao lưu văn hoá giữa các dân tộc...”.

Gần đây, Thủ tướng Chính phủ có quyết định quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, trong đó xác định đầu tư nâng cấp, phát triển thị trấn Thạnh Mỹ (Nam Giang - Quảng Nam) thành trung tâm đô thị (thị xã).

Đó là những định hướng lâu dài, là thuận lợi cho miền núi Quảng Nam phát triển. Có thể nói chưa bao giờ miền núi Quảng Nam chịu sự tác động mạnh mẽ như vậy.

Được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, hơn 30 năm qua kể từ sau ngày giải phóng, miền núi Quảng Nam đã có bước tiến dài trong tất cả các lĩnh vực. Vì miền núi thì miền núi sẽ phát huy hết tiềm năng để vì toàn tỉnh mà góp phần xây dựng tỉnh nhà giàu có. Quyết tâm đó đã được thực thi thông qua các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, về công tác cán bộ, về bảo tồn văn hoá...

Những biến đổi về kinh tế - xã hội đó đã tác động rất lớn đến sự biến đổi các làng truyền thống của đồng bào dân tộc.

Hiện nay, đồng bào dân tộc đã di chuyển và sinh sống nhiều dọc các tuyến đường giao thông quan trọng như đường Hồ Chí Minh, nam Quảng Nam, các tuyến đường nối đường Hồ Chí Minh với miền xuôi đến thành phố Đà Nẵng, huyện Đại Lộc, Hiệp Đức... tại các huyện Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn). Và làng định canh, định cư do các chủ đầu tư xây dựng bằng cách làm nhà san sát trên một vạt đất được cày ủi bằng phẳng, chia lô có phân giống... phố của miền xuôi (như tại thủy điện A Vương, sông Tranh,...). Mô hình làng thanh niên lập nghiệp như làng Thanh niên ASở theo tuyến đường Hồ Chí Minh (trên địa bàn Đông Giang).

Sự biến đổi, thay đổi đó ảnh hưởng rất lớn về tâm thức làng của đồng bào. Trong không gian mới đó, sự đan xen sinh sống hòa đồng của các dân tộc diễn ra mạnh mẽ.

Trong xu thế mới, trình độ dân trí, nhận thức của đồng bào dân tộc cũng thay đổi rất đáng kể. Sự phát triển của khoa học và công nghệ, mà chủ yếu là các kiến thức khoa học - kỹ thuật được truyền bá phục vụ sản xuất và đời sống, những phương tiện truyền thông trợ giúp pháp lý, phát triển giáo dục, y tế,... đã tác động mạnh mẽ đến trình độ dân trí của đồng bào và làm thay đổi những tập quán, tập tục. Đây là sự thay đổi rất tích cực và cũng là yếu tố làm thay đổi văn hóa làng truyền thống. Giá trị làng là đơn vị kinh tế độc lập, tri thức bản địa, v.v... được tiếp nhận thêm những giá trị mới, tiến bộ. Nhiều đồng bào dân tộc biết phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn - rừng, vườn - nhà rất hiệu quả, đời sống đã phần nào nâng cao, biết làm ăn kinh tế, tích lũy và buôn bán thương mại,...

Trong thời gian tới, sự phát triển nhanh chóng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế miền núi, việc nâng cấp các đô thị dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, việc xây dựng khu du lịch cao cấp ở Đông Giang và điều chỉnh quy hoạch sinh thái miền núi theo hướng của tỉnh, các dự án tiếp tục khởi công và đi vào hoạt động; các tuyến đường Đông Trường Sơn, nam Quảng Nam khánh thành; các trang trại kinh tế được mở rộng; kiến thức về khoa học và công nghệ, về pháp luật,... ngày càng tác động to lớn đến nhận thức, ý thức của đồng bào dân tộc và sẽ đặt Làng truyền thống của đồng bào trước những biến đổi lớn hơn.

Do vậy, việc xác định mô hình và định ra hệ thống chính sách phục vụ quản lý văn hóa làng đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam là yêu cầu cấp bách và rất cần thiết để phục vụ phát triển miền núi. Các mô hình phải đảm bảo nguyên tắc: Tôn trọng và bảo tồn các giá trị truyền thống của các dân tộc thiểu số; phù hợp với dân trí, luật tục; không áp đặt mô hình quản lý của nơi khác; kế thừa kinh nghiệm quản lý trong các thời kỳ lịch sử và theo quan điểm phát triển văn hóa của Đảng và sự quản lý văn hóa của Nhà nước.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, vai trò của già làng, luật tục của đồng bào có ý nghĩa rất to lớn trong việc bảo vệ làng, vận động đồng bào đi theo cách mạng, làm cách mạng. Nội dung mô hình phải đảm bảo: Các phong tục, tập quán, các giá trị văn hóa, thiết chế; các nội dung văn hóa theo qui định của nhà nước và tính đặc thù của quản lý văn hóa địa phương... Một số mô hình quản lý làng thất bại là do áp đặt, không dựa trên các nền giá trị văn hóa và những luật tục vô hình - nhưng rất bền vững của đồng bào. Mô hình quản lý văn hóa phải phù hợp với dân tộc, kể cả các nhóm tộc người địa phương khác nhau trên địa bàn Quảng Nam./.